

PHỤ LỤC II:

(Ban hành kèm theo quyết định số: 31/2008/QĐ-UBND
ngày 22 /12/2008 của UBND tỉnh)

BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP, ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ ĐẤT CHỨA SỬ DỤNG

1. Khu vực áp dụng giá đất nông nghiệp:

Căn cứ vào vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, điều kiện sinh lợi giá đất nông nghiệp được phân thành 4 khu vực như sau:

- Khu vực I:

- + Đất nông nghiệp thuộc phạm vi các phường của thị xã Vĩnh Long.
- + Đất nông nghiệp ven quốc lộ **có giá đất ở (thổ cư) từ 500.000đ/m² trở lên.**

- Khu vực II:

- + Đất nông nghiệp thuộc phạm vi thị trấn các huyện.
- + Đất nông nghiệp các xã thuộc thị xã Vĩnh Long (trừ đất nông nghiệp thuộc khu vực I).
- + Đất nông nghiệp ven quốc lộ **có giá đất ở (thổ cư) dưới 500.000đ/m².**

- + Đất nông nghiệp ven các đường tỉnh lộ.

- Khu vực III:

- + Đất nông nghiệp các xã Cù lao thuộc các huyện Long Hồ, Vũng Liêm, Trà Ôn, Tam Bình.
- + Đất nông nghiệp ven các hương lộ, lộ liên xã.

- Khu vực IV:

- + Đất nông nghiệp các khu vực còn lại ngoài các khu vực trên.

2. Bảng giá đất nông nghiệp:

Đơn vị tính: 1.000 đ/m²

Vị trí đất	Khu vực I		Khu vực II		Khu vực III		Khu vực IV	
	HN	LN	HN	LN	HN	LN	HN	LN
Vị trí 1	135	158	105	120	60	70	30	35
Vị trí 2	70	85	50	60	35	40		

Ghi chú:

- **Vị trí 1:** Từ chân taluy đường, mé sông lớn (sông Tiền và sông Hậu) trở vào **100m** thì được tính bằng bảng giá đất trên.

- **Vị trí 2:** Từ chân taluy đường trở vào **trên 100m đến 200m** thì được tính bằng bảng giá đất trên.

- **Vị trí còn lại:** Từ chân taluy đường trở vào **trên 200m** thì được tính bằng bảng giá đất Nông nghiệp phân theo khu vực đã quy định.

- Đất nông nghiệp thuộc phạm vi các phường của thị xã Vĩnh Long, đất nông nghiệp thuộc phạm vi thị trấn các huyện và đất nông nghiệp các xã thuộc thị xã Vĩnh Long là giá đất thuộc **vị trí 1** phân theo từng khu vực đã quy định.

3. Đất nuôi trồng thủy sản:

- Đất chuyên nuôi trồng thủy sản (khu vực cù lao giữa sông hoặc ven sông) và đất chuyên nuôi trồng thủy sản trong thửa đất trồng cây lâu năm thì tính bằng giá đất trồng cây lâu năm theo khu vực, vị trí của bảng giá đất nông nghiệp đã quy định.

- Đất nuôi trồng thủy sản trong khu vực đất trồng cây hàng năm (dạng nuôi trồng thủy sản lồng ghép hoặc xen canh): thì tính bằng giá đất trồng cây hàng năm theo khu vực, vị trí của bảng giá đất nông nghiệp đã quy định.

4. Đất chưa sử dụng:

Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng (bao gồm: đất bãi bồi ra sông, đất bằng chưa sử dụng...) phương pháp xác định giá là tính bằng 90% giá đất nông nghiệp liền kề theo khu vực đã quy định.

Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng (bao gồm: đất bãi bồi ra sông, đất bằng chưa sử dụng ...) phương pháp xác định giá là tính bằng 90% giá đất liền kề theo khu vực đã quy định.